

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 13 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng  
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của  
Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP  
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số  
điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 1359/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương  
chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng  
Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế và ý kiến  
thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện 23 công trình, dự án, với tổng diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng là 540.896,3 m<sup>2</sup>, gồm: 53.099,5 m<sup>2</sup> rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ; 256.914,4 m<sup>2</sup> rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất và 230.882,4 m<sup>2</sup> rừng ngoài quy hoạch (theo quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).



**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Hải Châu**

**Phụ lục: DANH MỤC 23 CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 128 /NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)



TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển MĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Diện tích, loại rừng (m <sup>2</sup> )				Diện tích không có rừng	Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
				Diện tích có rừng trồng chuyển mục đích sử dụng	Theo Quy hoạch 3 loại rừng	Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất		
	<b>Tổng cộng</b>		714.913,8	540.896,3	53.099,5	256.914,4	230.882,4	174.017,5	
1	Dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Ngư Thủy phục vụ công tác GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình	Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy	27.693,2	26.514,9			26.514,9	1.178,3	Khoảnh 1 - Tiểu khu 434A, xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
2	Dự án Xây dựng trụ sở xã Ngư Thủy	Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy	14.217,0	12.525,0			12.525,0	1.692,0	Khoảnh 2 - Tiểu khu 434B, xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
3	Dự án Trường Trung cấp Nghệ Bình Minh Quảng Bình - Cơ sở 3	Trường trung cấp nghề Bình Minh Quảng Bình	48.849,0	20.856,9		20.856,9		27.992,1	Khoảnh 5 - Tiểu khu 396C, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
4	Dự án Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1)	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	5.139,0	4.743,5			4.743,5	395,5	Khoảnh 3, 4 - Tiểu khu 429 xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
5	Công trình Nghĩa trang nhân dân xã An Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh	29.433,6	28.484,8		25.434,9	3.049,9	948,8	Khoảnh 1 - Tiểu khu 375C, xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
6	Công trình Nghĩa trang nhân dân xã Hiền Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh	25.191,9	22.218,1		2.272,4	19.945,7	2.973,8	Khoảnh 2 - Tiểu khu 367, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
7	Công trình Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư (lô IDC-M-27), Dinh Mươi, huyện Quảng Ninh	Ban quản lý Dự án đầu tư và Phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh	23.598,2	8.058,0			8.058,0	15.540,2	Khoảnh 4 - Tiểu khu 361, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
8	Công trình Nghĩa trang nhân dân xã Hàm Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025).	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh	28.300,8	24.431,2				3.869,6	Khoảnh 4 - Tiểu khu 366; khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa tiểu khu) xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình



*Handwritten signature or mark.*

TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển MĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Diện tích, loại rừng (m <sup>2</sup> )				Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
				Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch	Diện tích không có rừng		
9	Công trình Nghĩa trang nhân dân xã Xuân Ninh (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh	19.459,4		2.142,8	15.610,7	1.705,9	Khoảnh 1 - Tiểu khu 375A, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	
10	Dự án Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	48.206,6	17.383,0		17.383,0	30.823,6	Khoảnh 1 - Tiểu khu 187B, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
11	Dự án Khu nghĩa trang tại thôn Tô Xá, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1), phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	4.797,3	4.797,3	4.797,3			Khoảnh 1 - Tiểu khu 199B, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
12	Dự án Khu nghĩa trang tại thôn Hướng Phương, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1), phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	11.717,3	9.815,1	9.815,1		1.902,2	Khoảnh 3 - Tiểu khu 199B, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
13	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xóm 1, thôn Bưởi Rời, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	31.497,2	30.188,7	29.929,8	258,9	1.308,5	Khoảnh 3 - Tiểu khu 161, Khoảnh 1 - NTK (ngoài giải thửa thiếu khu), xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
14	Dự án Khu nghĩa trang xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1), phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	9.741,9	8.335,7		8.335,7	1.406,2	Khoảnh 5 - Tiểu khu 181, xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
15	Dự án Khu nghĩa trang xã Quảng Thanh phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	8.540,9	6.938,7		6.938,7	1.602,2	Khoảnh 1 - Tiểu khu 199D, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	

TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển MBSDR	Tổng diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Diện tích, loại rừng (m <sup>2</sup> )				Diện tích không có rừng	Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
				Diện tích có rừng tổng chuyên mục đích sử dụng	Theo Quy hoạch 3 loại rừng				
					Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch		
16	Dự án Khu nghĩa trang thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	11.521,7	7.689,0	7.689,0		3.832,7	Khoảnh 3 - Tiểu khu 188B, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
17	Dự án Khu nghĩa trang thôn Vân Tiên, xã Quảng Lưu phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	9.903,1	9.114,5	9.114,5		788,6	Khoảnh 1 - Tiểu khu 183A, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
18	Công trình Di dời, hoàn trả hệ thống đường điện 500kV và 110kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đơn qua huyện Quảng Trạch)	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch	6.393,2	81,7	81,7		6.311,5	Khoảnh 5 - Tiểu khu 167, xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	
19	Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt	Công ty TNHH Thành Đồng QB	6.000,0	1.546,0		1.546,0	4.454,0	Khoảnh 1 - NTK, xã Hòa Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.	
20	Công trình Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Ngự Thủy Bắc phục vụ công tác GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình	Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy	21.515,5	18.208,5		18.208,5	3.307,0	Khoảnh 2 - Tiểu khu 398, xã Ngự Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	
21	Dự án Bãi rác huyện Quảng Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh	47.323,3	44.557,0		4.481,9	2.766,3	Khoảnh 4, 5 - Tiểu khu 363, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	
22	Công trình Nghĩa trang nhân dân xã Duy Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh	20.000,0	20.000,0				Khoảnh 4 - Tiểu khu 366, xã Hầm Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.	



*[Handwritten signature]*

TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển MĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Diện tích, loại rừng (m <sup>2</sup> )				Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
				Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Theo Quy hoạch 3 loại rừng			
				Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch		
23	Công trình Tuyến đường du lịch kết nối thành phố Đồng Hới với vùng Nam tỉnh Quảng Bình thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình - Tuyến nhánh 1: Tuyến Bảo Ninh - Hải Ninh	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình	255.873,7	53.099,5	89.282,6	54.273,10	59.218,5	Khoảnh 1 - Tiểu khu 359; các khoảnh 1, 2, 3- Tiểu khu 360, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới; khoảnh 2 - Tiểu khu 368 xã Gia Ninh; các khoảnh 1, 2, 4, 6- Tiểu khu 362 xã Hải Ninh; các khoảnh 1, 2, 4- Tiểu khu 361 và khoảnh 1- NTK xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình